TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/DS-PT
Ngày 19-02-2020
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quán

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thu

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tấn Phong – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 71/2019/DS-ST ngày 16/9/2019 của Toà án nhân dân huyện CG bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2020/QĐ-PTngày 21 tháng 01 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1975;

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã LH, huyện CG, tỉnh Long An.

1.2. Ông Trần Phước H2, sinh năm 1988;

Địa chỉ cư trú: Ấp 2/5, xã LH, huyện CG, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Lê Kim T1 sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp 2/5, xã LH, huyện CG, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc A1, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp 1, xã LH, huyện CG, tỉnh Long An.

3.2. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1968;

3.3. Bà Lê Thị Hoàng O1, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Ấp 2/5, xã LH, huyện CG, tỉnh Long An.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Kim T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H1 yêu cầu vợ chồng ông Lê Kim T1 và bà Nguyễn Thị L1 phải mở lối đi có chiều ngang 1,5m chiều dài tính từ thửa đất số 3994, tờ bản đồ số 4, tại ấp 2/5, xã LH, huyện CG, tỉnh Long An do ông Nguyễn Thanh H1 đứng tên chủ sử dụng ra đến đường công cộng. Lối đi thuộc thửa đất số 909, tờ bản đồ số 4, loại đất ONT, tọa lạc tại ấp 2/5, xã LH, huyện CG, tỉnh Long An.

Sau khi có Mảnh trích đo địa chính của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú thực hiện, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện CG duyệt ngày 23/4/2019, ông H1 yêu cầu vợ chồng ông T1 và bà L1 trả lại lối đi thuộc 01 phần thửa 909 tại vị trí A có diện tích 52m^2. Đối với vị trí B thuộc 01 phần thửa 4175 có diện tích 3m^2 ông không yêu cầu xem xét giải quyết. Yêu cầu ông T1 và bà L1 tháo dỡ nhà tạm, tất cả các công trình phụ, vật kiến trúc trên đất để trả lại lối đi thông thoáng như đã thỏa thuận lúc ban đầu khi nhận chuyển nhượng đất của ông T1.

Lý do ông yêu cầu mở lối đi là do vào năm 2009 ông có mua của ông T1 thửa đất 3994, tờ bản đồ số 4, diện tích 162m^2, tọa lạc ấp 2/5, xã LH, huyện CG, tỉnh Long An. Khi mua, ông T1 có cam kết là cho ông được đi ngang qua phần đất còn lại của ông T1 với chiều ngang 1,5m, chiều dài là 6m và phần còn lại ra đến đường 826C. Ông và ông T1 đều đi chung chứ không phải thỏa thuận. Nhưng nay ông T1 cất nhà tạm để bán quán lấn chiếm lối đi, trước đây ông có nhờ địa phương giải quyết thì ông T1 đòi 10.000.000 đồng và chỉ chừa 01m ngang, ông không đồng ý nên khởi kiện đến nay.

Nguyên đơn ông Trần Phước H2 trình bày: Ông có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Ngọc Mới thửa đất 3993, tờ bản đồ số 4, diện tích đất 100m^2, đất tọa lạc ấp 2/5 xã LH, huyện CG, tỉnh Long An. Nguồn gốc đất trước đây do ông Lê Kim T1 bán cho bà Phạm Thị Phước và bà Phước bán lại cho ông Nguyễn Ngọc Mới. Lúc chuyển nhượng ông có hỏi ý kiến của ông T1 về lối đi chung, tất cả đều đồng ý thống nhất ông mới nhận chuyển nhượng đất. Còn giấy tay lúc ông Mới nhận chuyển nhượng của bà Phước, ông T1 vẽ lối đi trên giấy tay thỏa thuận chiều ngang là 1,5m, chiều dài từ thửa đất ra đến đường 826C. Nhưng nay ông T1 cất nhà tạm trên lối đi, đồng thời làm cửa rào khóa lại, cặp bên đất của ông là thửa đất của ông Nguyễn Thanh H1 cũng bị ảnh hưởng chung. Nay ông yêu cầu ông T1 phải trả lại lối đi như yêu cầu của ông H1, còn

vị trí B không yêu cầu xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Lê Kim T1 trình bày: Ông là chủ sử dụng thửa đất 1936, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.009m^2, tại ấp 2/5, xã LH, huyện CG, tỉnh Long An. Trước đây vào năm 2009 ông có chuyển nhượng 01 phần thửa 1936 cho ông Nguyễn Thanh H1, diện tích 162m^2 và chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Phước 100m^2. Ông và ông H1 có thỏa thuận bằng giấy tay là ông chỉ cho ông H1 lối đi ngang 1,5m, dài 6m. Phần lối đi công cộng để ra đến đường 826C không có thỏa thuận cụ thể diện tích lối đi mà chỉ nói chung chung. Ông đi rộng thì ông H1 đi rộng, ông đi hẹp thì ông H1 đi hẹp. Phần đất tranh chấp là thuộc quyền quản lý của vợ chồng ông. Vợ chồng ông sử dụng làm lối đi từ nhà của vợ chồng ra đến đường công cộng là đường 826C nay trên 30 năm. Phần lối đi nêu trên hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông cũng thừa nhận là làm lối đi chung cho gia đình ông H1, ông H2 nhưng ông H1 và ông H2 phải chấp nhận đi hẹp vì vợ chồng ông có xây dựng công trình phụ, nhà tạm, vật kiến trúc trên đất để bán quán sinh sống. Tòa án đã thẩm định như ông H1 và ông H2 yêu cầu, ông không đồng ý tháo dỡ và chỉ cho đi đoạn đường từ nhà ông ra đến đường 826C chiều ngang khoảng 01m.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L1 là vợ của ông Lê Kim T1 thống nhất với lời trình bày của ông Lê Kim T1.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ngọc A1 là vợ của ông Nguyễn Thanh H1 và bà Lê Thị Hoàng O1 là vợ của ông Trần Phước H2 đều thống nhất với lời trình bày của ông H1 và ông H2, không có ý kiến gì thêm.

Các bên không thoả thuận được.

Ngày 05/10/2017, ông Nguyễn Thanh H1 khởi kiện.

Ngày 10/5/2018, Tòa án nhân dân huyện CG thụ lý vụ án.

Ngày 12/7/2019, Tòa án nhân dân huyện CG thụ lý vụ án bổ sung.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 71/2019/DSST ngày 16/9/2019 Tòa án nhân dân huyện CG đã căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 254 Bộ luật dân sự 2015, các Điều 166, 170 và 171 Luật đất đai năm 2013. Căn cứ vào Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H1 và ông Trần Phước H2.

Buộc vợ chồng ông Lê Kim T1 – bà Nguyễn Thị L1 phải tháo dỡ và di dời vật kiến trúc, công trình phụ trên phần đất tranh chấp theo Biên bản xem xét, thẩm

định tại chỗ ngày 17/5/2019 được thể hiện như sau: Nền xi măng có diện tích 12,15m^2. Gác lững: 1,5m x 2,8m = 4,2m^2, tấm kembo, đặt trên bệ đà khung thép hình. Mái che: Tường xây gạch lững, phần còn lại ốp tole thiếc, cột sắt kê tán, nền xi măng, mái tole thiếc xà gồ thép, khối lượng san lấp cát 21,24m^3 . Để trả lại lối đi cho các nguyên đơn, thuộc 01 phần thửa 909 tại vị trí A có diện tích 52m^2, theo Mảnh trích đo địa chính của Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện CG duyệt ngày 23/4/2019. Đất tọa lạc ấp 2/5, xã LH, huyện CG, tỉnh Long An.

Về án phí:

Vợ chồng ông Lê Kim T1 và bà Nguyễn Thị L1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.380.000 đồng.

Hoàn trả lại cho ông Trần Phước H2 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000 đồng theo Phiếu thu số 0003564 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CG.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh H1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 1.250.000 đồng theo Phiếu thu số 0006308 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CG.

Ngoài ra án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyên và nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 26/9/2019, ông Lê Kim T1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại Toà phúc thẩm,

Các nguyên đơn ông H1 và ông H2 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông T1 không rút kháng cáo.

Bị đơn ông Lê Kim T1 thừa nhận đất ông H1 và ông H2 đang sử dụng có nguồn gốc là của ông. Ông có thỏa thuận cho người nhận chuyển nhượng đất sử dụng lối đi nhưng không xác định là 1,5m. Ông cũng là người đi trên lối đi này để ra đường tỉnh lộ. Ông đã bỏ công sức tiền của ra tạo lập lối đi này. Nay các nguyên đơn muốn đi phải trả tiền mỗi người 200.000.000 đồng.

Ông H1 và ông H2 trình bày khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất các ông có gặp ông T1 trao đổi về lối đi. Ông T1 cam kết có lối đi các ông mới nhận chuyển nhượng. Sau đó, ông T1 rào chắn lối đi nên các ông yêu cầu mở lối đi ngang 1,5m để ra đường Tỉnh 826C. Diện tích lối đi ngang 1,5m dài 26,5m^2 như Mảnh trích đo. Nay ông T1 yêu cầu trả giá trị các ông đồng ý hỗ trợ mỗi người 10.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn thị L1 thống nhất theo trình bày và yêu cầu của ông T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc A1 đề nghị xem xét phần đất ông T1 đồng ý cho sử dụng lối đi, phần mở rộng nguyên đơn đồng ý trả giá trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo thấy: Khi ông T1 chuyển nhượng đất cho ông H1 và bà Phước có cam kết để một phần đất thuộc thửa 909 làm lối đi chung. Sau đó ông Phước chuyển nhượng cho ông Mới và ông Mới chuyển nhượng cho ông H2 nên ông H2 phải được quyền có lối đi. Khoản 3 Điều 254 Bộ luật dân sự 2015 quy định: Bất động sản được chia thành nhiều phần cho các chủ sở hữu, chủ sử dụng khác nhau thì khi chia phải dành lối đi cần thiết cho người phía trong theo quy định tại khoản 2. Việc ông T1 xây dựng công trình tạm làm cản trở quyền sử dụng lối đi của các hộ bên trong là đã vi phạm Điều 254 Bộ luật dân sự 2015 và thỏa thuận trước đây. Phía ông T1 kháng cáo yêu cầu ông H2 và ông H1 mỗi người hỗ trợ tiền giá trị lối đi 200.000.000 đồng nhưng các nguyên đơn chỉ đồng ý mỗi người 10.000.000đ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm không tuyên về chi phí tố tụng trong quyết định là thiếu sót, nên tuyên lại cho đầy đủ.

Về án phí, tranh chấp yêu cầu mở lối đi thuộc trường hợp án phí không có giá ngạch, án sơ thẩm xác định tranh chấp quyền sử dụng đất nên tính án phí có giá ngạch buộc ông T1 phải chịu là không đúng. Do đó, đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông T1, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Lê Kim T1 kháng cáo hợp lệ nên được chấp nhận, vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T1 mở lối đi thuộc một phần thửa 909 (PCL) thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông T1. Ông T1 chỉ đồng ý cho các nguyên đơn sử dụng một phần làm lối đi. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp quyền sử dụng" là không chính xác. Về thẩm quyền, Tòa án nhân dân huyện CG thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.3] Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, áp dụng Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án.

[2] Về kháng cáo của bị đơn ông Lê Kim T1 thấy:

[2.1] Theo Công văn số 208/UBND – KT ngày 16/8/2019 của Ủy ban nhân dân xã LH: Thửa đất số 909, tờ bản đồ số 4, diện tích 545m^2, theo sổ mục kê năm 2012 do bà Lưu Thị Kim Thu đứng tên, đất tiếp giáp mặt tiền đường tỉnh 826C. Do trước đây giữa ông T1 với bà Thu tranh chấp ranh giới, bà Thu chuyển nhượng hết thửa đất 909 cho 03 hộ: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều thửa đất số 4143 (tách từ thửa 909), tờ bản đồ số 4, diện tích 109m^2, loại đất ONT. Ông Hồ Công Danh thửa đất số 4144 (tách từ thửa 909), tờ bản đồ số 4, diện tích 129m^2, loại đất ONT. Ông Nguyễn Hồng Cẩm thửa đất số 4175 (tách từ thửa 909), tờ bản đồ số 4, diện tích 143m^2, loại đất ONT(phần còn lại).

Thửa đất 909 phần còn lại là 163m^2, loại đất ONT theo sổ mục kê năm 2012 do bà Lưu Thị Kim Thu đứng tên, hiện nay là lối đi do ông T1 sử dụng, bà Thu không muốn tranh chấp với ông T1, nên khi bà Thu chuyển nhượng đất cho 03 hộ nêu trên bằng hình thức trích đo theo ranh, do ông T1 chỉ ranh nên phần còn lại thửa 909, diện tích 163m^2 bà Thu đứng tên quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện CG thu hồi với lý do: Vừa chuyển nhượng, vừa cấp đổi. Thửa 909 (PCL) diện tích 163m^2 hiện nay do ông T1 sử dụng làm lối đi, hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo sổ mục kê cập nhật năm 2015 là tên ông T1. Như vậy, quyền sử dụng đất lối đi ông T1 là người quản lý.

[2.2] Xét một phần thửa đất 909 ông T1 tranh chấp với bà Thu thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông T1. Sau đó ông T1 tiến hành giao dịch bằng hình thức chuyển nhượng 01 phần thửa đất 1936 của ông T1 cho ông Nguyễn Thanh H1 162m^2, tách thành thửa mới 3994 và ông H1 được Ủy ban nhân dân huyện CG cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/11/2009. Tách chuyển 01 phần thửa đất 1936 cho bà Phạm Thị Phước diện tích 100m^2, tách thành thửa 3993. Tiếp đó bà Phước chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Ngọc Mới và ông Mới tiếp tục chuyển nhượng lại cho ông Trần Phước H2.

[2.3] Ông Trần Phước H2 là người sử dụng diện tích 100m^2 thửa 3993, nguồn gốc là nhận chuyển nhượng từ bà Phạm Thị Phước. Bà Phước nhận chuyển nhượng đất từ 01 phần thửa 1936 của ông T1. Ông Nguyễn Thanh H1 sử dụng diện tích 162m^2, thửa mới 3994, nguồn gốc là nhận chuyển nhượng từ 01 phần thửa đất 1936 của ông T1. Hiện hai thửa đất của ông H2 và ông H1 không còn lối đi nào khác để ra đường công cộng. Như nhận định ở mục [2.2], khi chuyển nhượng ông T1 có cam kết những người nhận chuyển nhượng đất từ ông được ông dành lối đi ra ngoài. Cam kết và thỏa thuận của ông T1 phù hợp quy định của pháp luật nhưng sau đó ông T1 xây dựng công trình, vật kiến trúc cản

trở quyền sử dụng lối đi là không đúng. Khoản 1 Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ. Cho nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc ông T1 tháo dở vật kiến trúc để mở lối đi ra đường Tỉnh 826C ngang 1,5m là phù hợp.

[2.4] Khoản 2 Điều 254 Bộ luật dân sự 2015 quy định: Vị trí, giới hạn chiều dài, chiều rộng, chiều cao của lối đi do các bên thỏa thuận, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và ít gây phiền hà cho các bên. Xét lối đi được mở theo yêu cầu của các nguyên đơn 1,5m ngang không quá rộng cũng không quá hẹp. Mặt khác, sau khi mở lối đi như thế cũng không ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất phần còn lại của ông T1. Hơn nữa, gia đình ông T1 cũng đi trên lối đi này nên việc chấp nhận kích cỡ lối đi ngang 1,5m theo yêu cầu của các nguyên đơn không thiệt thòi quyền lợi cho ông T1.

[3] Song thấy rằng: Việc ông T1 có thỏa thuận và cam kết sử dụng 01 phần thửa 909 làm lối đi chung với những người nhận chuyển nhượng đất của ông là đúng nhưng không có căn cứ lối đi ngang phải 1,5m. Vì tại "Tờ giấy tai" do chính ông T1 viết như ông thừa nhận có nội dung "tôi cho đi ngang nhà dài 6,25m, ngang là 1,5m còn ra ngoài rộng thì đi rộng; hẹp thì đi hẹp". Nay các nguyên đơn yêu cầu mở lối đi ngang 1,5m như Mảnh trích đo qua thửa 909 có diện tích 52m^2 trong khi ông T1 chỉ đồng ý cho 1m. Án sơ thẩm chấp nhận lối đi ngang 1,5m là phù hợp nhưng không buộc các nguyên đơn đền bù giá trị cho ông T1 là không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật dân sự 2015. Tuy nhiên, ông T1 yêu cầu các nguyên đơn trả giá trị đất và chi phí mỗi người 200.000.000đ là không có cơ sở, cần lấy giá do cơ quan thẩm định để làm căn cứ. Căn cứ chứng thư thẩm định giá ngày 27/6/2019 của Công ty cổ phần TM DV&TV Hồng Đức ngày 27/6/2019, giá trị 52m^2 đất là 67.600.000đ.

Do ông T1 cũng là người sử dụng chung lối đi này nên ông T1 phải chịu một phần giá trị theo tỉ lệ 1:3, các nguyên đơn chịu phần còn lại. Cụ thể: Ông T1 chịu 22.533.333đ; ông H1 và ông H2 mỗi người chịu 22.533.333đ để đền bù cho ông T1.

[4] Từ nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của ông T1, sửa bản án dân sự sơ thẩm như phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[5] Về án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông H1 và ông H2 chịu án phí đối với số tiền bù đắp cho ông T1 mỗi người là 22.533.333đ x 5% = 1.126.600đ (làm tròn). Ông T1 phải chịu án phí không giá ngạch phần yêu cầu mở lối đi của nguyên đơn được chấp nhận.

Án phí phúc thẩm, kháng cáo được chấp nhận theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, ông T1 không phải chịu, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí tố tụng, án sơ thẩm chỉ nhận định ông H1 tự nguyện chịu nên không xét đến nữa và không tuyên trong quyết định là không đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Cấp phúc thẩm tuyên lại cho đầy đủ, cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[7] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm giữ nguyên có hiệu lực.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 2 Điều 308, Điều 293 và Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Kim T1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 71/2019/DS-ST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện CG.

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 148, Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 254 Bộ luật dân sự 2015; căn cứ Điều 100, Điều 166 Luật đất đai 2013; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H1 và ông Trần Phước H2 đối với ông Lê Kim T1 về việc "tranh chấp yêu cầu mở lối đi".

1.1. Buộc vợ chồng ông Lê Kim T1 và bà Nguyễn Thị L1 mở lối đi chung có kích thước ngang 1,5m; dài 25,6m + 2,2m + 6,3m + 4m, có diện tích 52m^2 thuộc 01 phần thửa 909 theo vị trí A của Mảnh trích đo địa chính do Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú thực hiện, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện CG duyệt ngày 23/4/2019. Đất tọa lạc ấp 2/5, xã LH, huyện CG, tỉnh Long An.

1.2. Buộc vợ chồng ông Lê Kim T1 và bà Nguyễn Thị L1 phải tháo dỡ và di dời vật kiến trúc, công trình phụ trên phần đất lối đi tại vị trí A gồm: Nền xi măng có diện tích 12,15m^2. Gác lững: 1,5m x 2,8m = 4,2m^2, tấm kembo, đặt trên bệ đà khung thép hình; Mái che: Tường xây gạch lững, phần còn lại ốp tole thiếc, cột sắt

kê tán, nền xi măng, mái tole thiếc xà gồ thép, khối lượng san lấp cát 21,24m^3.(Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/5/2019)

1.3. Buộc ông Nguyễn Thanh H1, ông Trần Phước H2 mỗi người phải đền bù cho ông Lê Kim T1 số tiền 22.533.333đ.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người đựoc thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất do ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về chi phí đo đạc, định giá và thẩm định tại chỗ: 8.500.000đ. Ghi nhận sự tự nguyện chịu của ông Nguyễn Thanh H1 (đã nộp xong).

4. Về án phí:

4.1. Buộc vợ chồng ông Lê Kim T1, bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc sơ thẩm.

Ông Lê Kim T1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T1 300.000đ tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0001570 ngày 26/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CG.

4.2. Ông Trần Phước H2 phải chịu 1.126.600đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003564 ngày 11/ 7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CG. Ông H2 phải nộp tiếp 826.600 đồng.

4.3. Ông Nguyễn Thanh H1 phải chịu 1.126.600đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006308 ngày 08/ 5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CG. Hoàn trả cho ông H1 123.400đ.

5. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện CG;
- Chi cục THADS huyện CG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quán

Thành viên Hội đồng xét xử | **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Thị Phúc – Lê Thị Kim Nga | **Trần Văn Quán**